TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03 /2019/HSPT
Ngày 03 tháng 01 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Tô Chánh Trung

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:*** Ông Hồ Sỹ Hoàn - Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 582/2018/TLPT-HS ngày 18 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo Trịnh Xuân M do có kháng cáo của bị cáo Trịnh Xuân M, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo có kháng cáo:

Trịnh Xuân M, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương; Chỗ ở: Đường B, phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Trịnh Xuân H và bà Nguyễn Thị H1; Bị cáo có vợ Lê Thị Thanh T và một con sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo bắt giam từ ngày 19/4/2017 (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Trường T1 - Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ bào chữa chỉ định cho bị cáo.

Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:

Bị hại:

1. Lê Quốc T2; trú tại: Đường M, phường X, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Trần Cẩm L; trú tại: ấp V, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo:

Bị hại:

1. Nguyễn Văn D, trú tại: khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Pham Văn L1, trú tại: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

3. Nguyễn Văn P, trú tại: Ấp A, xã A1, huyện C, tỉnh An Giang.

4. Nguyễn Thị L2, trú tại: Khóm B, phường B1, thành phố L, tỉnh An Giang.

5. Trần Văn O, trú tại: Ấp L, xã L1, thị xã T, tỉnh An Giang.

6. Phan Thị N, trú tại: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

7. Trần Văn T3, trú tại: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh An Giang.

8. Nguyễn Minh T4, trú tại: Ấp B, xã B1, huyện C, tỉnh An Giang.

9. Tô Hoàng O1, trú tại: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

10. Trần Quang K, trú tại: Đường L, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

11. Tô Thanh T5, trú tại: Đường Đ, phường X2, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

12. Lê Thanh T6, trú tại: Ấp B, phường V, thị xã V1, tỉnh Sóc Trăng.

13. Nguyễn Văn T7, trú tại: Đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ,

14. Trần Văn T8, trú tại: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang

Long.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Lê Thị Thanh T, trú tại: ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Thiều Ngọc S, trú tại: đường x1, phường y1, quận z, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trần Ngọc T9, trú tại: Đường H, khu vực x6, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ và Đường L, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

4. Huỳnh Kim T10, trú tại: Đường T, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào tháng 7 năm 2016, Trịnh Xuân M thành lập Công ty Cổ phần thương mại đầu tư bất động sản R (sau đây gọi tắt là Công ty R). Do chờ xin giấy phép kinh doanh nên Công ty R đã mượn số tài khoản của Công

ty T11 do Lê Thị Thanh T là vợ của M làm giám đốc để những người tham gia đầu tư chuyển tiền vào.

Đến ngày 28/9/2016, Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư bất động sản R. Trụ sở chính của Công ty đặt tại số Đường N, phường X3, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vốn điều lệ theo đăng ký là 99.000.000.000 đồng tương đương 9.900.000 cổ phần với mệnh giá 01 cổ phần là 10.000.000 đồng. Cổ đông góp vốn của công ty có 03 người gồm: Trịnh Xuân M góp 5.445.000 cổ phần, tương đương 54.450.000.000 đồng, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị; Lê Thị Thanh T góp 3.960.000 cổ phần, tương đương 39.600.000.000 đồng giữ chức vụ Giám đốc và Thiều Ngọc S góp 495.000 cổ phần, tương đương 4.900.000.000 đồng là thành viên góp vốn. Tuy nhiên, T và S chỉ là người do M nhờ đứng tên thành viên trong công ty, mọi hoạt động của công ty đều do M quản lý và chỉ đạo. Mặt khác số vốn điều lệ nêu trên không có thật.

Do có mối quen biết từ trước, M đã thuê Nguyễn Hồng M làm cố vấn chiến lược cao cấp cho công ty, thuê Nguyễn Trọng L3 (chưa xác định được nhân thân) thiết kế, quản lý website R1-roy.com (do M mua lại tên miền); thuê Nguyễn Thị N1 (chưa xác định được nhân thân) làm kế toán trưởng, thuê Ngô Thị Quỳnh A làm giám đốc tài chính, thuê Nguyễn Thị H2 làm nhân viên chăm sóc khách hàng.

Để tạo lòng tin với những người đầu tư nhằm huy động vốn và chiếm đoạt, M đã dựng lên hình ảnh là một công ty đại diện tập đoàn R1 của Mỹ tại Việt Nam chuyên đầu tư các dự án lớn về bất động sản, là công ty đa quốc gia có vốn đầu tư nước ngoài, kinh doanh trong nhiều lĩnh vực, tham gia nhiều dự án lớn của các tập đoàn nổi tiếng trên toàn quốc như tập đoàn B, V, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên A1, dự án tàu điện ngầm tại Thành phố Hồ Chí Minh... Qua đó, M và Hồng M1 tổ chức nhiều cuộc hội thảo nhằm khuếch trương hình ảnh của công ty để kêu gọi mọi người tham gia ký kết hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh bằng hình thức góp vốn đầu tư để được chia lợi nhuận với lãi suất cao.

Để trở thành cổ đông của Công ty R thì người đầu tư phải ký hợp đồng góp vốn ít nhất 1.000 USD, tương đương 22.500.000 đồng, trong đó phí duy trì tài khoản 10 USD tương đương 225.000 đồng. Sau đó, người đầu tư được giao tài

khoản ID và được trả tiền vốn và lãi theo hợp đồng góp vốn thông qua tài khoản của ngân hàng. Nếu đầu tư trong khoản thời gian 03 năm 09 tháng tương đương 1.365 ngày, người góp vốn sẽ nhận số tiền 2.987 USD tương đương 67.000.000 đồng. Sau 07 ngày người đầu tư quyết định tham gia sẽ ký hợp đồng với công ty, hình thức trả vốn và lãi được chia ra 03 giai đoạn như sau:

* Giai đoạn 1:

+ 10 ngày đầu công ty sẽ hoàn vốn là 1%/ ngày.

+ 10 ngày tiếp theo công ty sẽ hoàn vốn 0, 8%/ ngày.

+10 ngày cuối công ty sẽ hoàn vốn 0,5%/ ngày.

* Giai đoạn 2: Trong 335 ngày tiếp theo công ty sẽ hoàn vốn và lãi là 0,45%/ 1 ngày trên tổng số tiền đầu tư. Cụ thể đến tháng thứ 6 công ty đã hoàn đủ vốn và kể từ tháng thứ 7 sẽ chi trả lợi nhuận.

* Giai đoạn 3: Trong 1.000 ngày tiếp theo công ty sẽ chi trả lợi nhuận là 0,125%/ ngày.

Đối với những người giới thiệu thêm được người đầu tư vào công ty, M sẽ chi cho họ hưởng 5% trên tổng số tiền giới thiệu đầu tư và 0,25% trên tiền hoa hồng khi họ đã kêu gọi vào công ty giới thiệu thêm người mới đầu tư. Bên cạnh đó, M đưa ra các mức thưởng cho những người đầu tư bằng cách tặng 01 chỉ vàng SJC cho người nào đầu tư từ 03 – 05 ID và tặng xe ô tô cho người nào giới thiệu được 1.000 ID.

Tuy nhiên, qua điều tra xác minh thì Công ty R không phải là công ty đa quốc gia, không tham gia vào các dự án như đã nêu trên, hoàn toàn không có kinh doanh gì để sinh lợi nhuận. Mục đích của M giới thiệu như vậy nhằm kêu gọi nhiều người dân trên các tỉnh thành góp vốn với lãi suất cao, lấy tiền của người đầu tư sau để trả cho người đầu tư trước. Sau khi thu hút nhiều người đầu tư thì M sẽ chiếm đoạt tiền của họ.

Để thu hút nhiều người đầu tư vào công ty, M đã thành lập thêm 04 chi nhánh gồm: Chi nhánh miền Bắc, có trụ sở tại số Đường H, quận T, thành phố Hà Nội do ông T12 (chưa xác định rõ nhân thân) làm Giám đốc.

- Chi nhánh Miền Trung, có trụ sở tại Đường N, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng do bà Đặng Thị Thu H3 làm Giám đốc.

- Chi nhánh Miền Nam, có trụ sở tại Đường N, phường X3, quận T do ông Phan Minh H4 làm Giám đốc.

- Chi nhánh Miền Tây, có trụ sở tại Đường P, phường C quận N, thành phố Cần Thơ do ông Huỳnh Kim T10 làm Giám đốc từ tháng 7/2016 đến ngày 07/10/2016; Trần Ngọc T9 làm giám đốc giai đoạn còn lại.

Nhà đầu tư góp vốn vào công ty qua hình thức đưa tiền mặt tại công ty hoặc đưa tiền mặt cho người giới thiệu nộp lại công ty hoặc chuyển tiền vào tài khoản số 315100000973443 mở tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển thuộc Công ty T13 (khi chưa có giấy phép kinh doanh); tài khoản số 0421000430461 mở tại Ngân hàng Ngoại thương do M đứng tên; tài khoản số 0421000489879 đứng tên Công ty R và tài khoản số 3151000098879 do T đứng tên mở tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển.

Sau khi huy động vốn của nhiều người, thời gian từ tháng 7/2016 đến tháng 12/2016 M đã sử dụng tiền của người đầu tư sau trả cho người đầu tư trước, số còn lại M chiếm đoạt, cụ thể:

Tại chi nhánh Miền Tây, thông qua mối quan hệ quen biết với bà Trần Thị Bích T14 (chưa xác định được nhân thân), tháng 7/2016 M mời ông Huỳnh Kim T10 làm Giám đốc Chi nhánh Miền Tây và tặng cho T2 01 ID tương đương 22.500.000 đồng để cùng đầu tư với Công ty, sau đó M nhờ T2 tìm thuê mặt bằng để mở văn phòng chi nhánh. Sau khi bàn bạc M và T2 thống nhất thuê nhà Đường P, phường C quận N, thành phố Cần Thơ để mở chi nhánh Miền Tây. M sẽ trả chi phí thuê văn phòng, ông T2 hỗ trợ mua các trang thiết bị và bố trí văn phòng. Đến ngày 02.10.2016, Chi nhánh Công ty R Miền Tây khai trương đồng thời tổ chức hội thảo kêu gọi những người đầu tư góp vốn vào công ty. Tuy nhiên, 05 ngày sau đó M và T2 xảy ra mâu thuẫn về chi phí thành lập công ty nên T2 nghỉ làm. M bổ nhiệm bà Trần Ngọc T9 làm giám đốc thay T2 điều hành.

Quá trình điều tra xác định có 27 người tham gia đầu tư vào Công ty R chi nhánh Miền Tây, trong đó có 16 người yêu cầu xử lý hình sự đối với Trịnh Xuân M vì sau khi tham gia một thời gian công ty không chi trả tiền theo thỏa thuận,

công ty không kinh doanh như đã cam kết trong các cuộc hội thảo mà bị Trịnh Xuân M chiếm đoạt tiền sử dụng vào mục đích cá nhân gồm:

1. Ông Nguyễn Văn D đã tham gia 06 ID vào ngày 29/9/2016 với số tiền là 134.837.250 đồng, công ty đã chi trả 37.074.560 đồng và M đã chiếm đoạt số tiền 97.762.690 đồng.

2. Ông Phạm Văn L1 tham gia 01 ID vào ngày 06/10/2016 với số tiền là 22.500.000 đồng, công ty đã chi trả 6.654.780 đồng, M đã chiếm đoạt số tiền 15.845.220 đồng.

3. Ông Nguyễn Văn P đã tham gia 01ID vào ngày 09/10/2016 với số tiền 20.000.000 đồng, công ty đã chi trả 3.766.550 đồng và M đã chiếm đoạt số tiền 16.233.450 đồng.

4. Bà Nguyễn Thị L2 đã tham gia 01ID vào ngày 11/10/2016 với số tiền là 22.500.000 đồng, công ty đã chi trả 3.288.780 đồng và M đã chiếm đoạt số tiền 19.211.220 đồng.

5. Ông Trần Văn O tham gia 01ID vào ngày 20/10/2016 với số tiền là 22.500.000 đồng, công ty đã chi trả 3.151.020 đồng và M đã chiếm đoạt số tiền 19.348.980 đồng.

6. Bà Phan Thị N đã tham gia 01 ID vào ngày 11/10/2016 với số tiền là 22.500.000 đồng, công ty đã chi trả 6.654.780 đồng và M đã chiếm đoạt số tiền 15.845.220 đồng. Hiện bà N đã chết, con ruột là Lý Thị Thanh T15 đại diện tham gia tố tụng.

7. Ông Trần Văn T3 đã tham gia 01 ID vào ngày 11/10/2016 với số tiền là 22.500.000 đồng, công ty đã chi trả 6.654.780 đồng và M đã chiếm đoạt số tiền 15.845.220 đồng.

8. Ông Nguyễn Minh T4 đã tham gia 01ID vào ngày 25/10/2016 với số tiền 22.500.000 đồng, công ty đã chi trả 2.461.264 đồng và M đã chiếm đoạt số tiền 20.038.736 đồng.

9. Bà Tô Hoàng O1 đã tham gia 01 ID vào ngày 26/8/2016 với số tiền là 22.485.000 đồng, công ty đã chi trả 4.725.660 đồng, M đã chiếm đoạt số tiền 17.759.340 đồng.

10. Ông Trần Quang K đã tham gia 01 ID với số tiền là 22.500.000 đồng, công ty đã chi trả 3.436.936 đồng và M đã chiếm đoạt số tiền 19.063.064 đồng.

11. Bà Tô Thanh T5 đã tham gia với số tiền 90.000.000 đồng, công ty đã chi trả 17.175.472 đồng, M đã chiếm đoạt số tiền 72.824.528 đồng (Bà T5 không ký hợp đồng).

12. Ông Lê Thanh T6 đã tham gia 01 ID với số tiền là 22.500.000 đồng, công ty đã chi trả 3.448.100 đồng và M đã chiếm đoạt số tiền 19.051.900 đồng.

13. Ông Nguyễn Văn T7 đã tham gia 03 ID với số tiền là 67.500.000 đồng, công ty đã chi trả 9.075.710 đồng và M đã chiếm đoạt số tiền 58.334.684 đồng.

14. Ông Trần Văn T8 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 hợp đồng hợp tác đầu tư số 15 ghi ngày 21/9/2016, tổng số 03 ID. Tuy nhiên, số tiền ghi trong hợp đồng là 157.500.000 đồng tương đương 07 ID. Mặt khác, bà Trần Ngọc T9 đã cung cấp bản hợp đồng số 22 cùng ngày 21/9/2016 (bản pho to) ký kết giữa Công ty R với ông Trần Văn T8 có ghi 02 ID tương đương 45.000.000 đồng. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ đã ra quyết định trưng cầu giám định số 177 ngày 29/6/2018 đối với chữ viết, chữ ký và hình dấu tại hợp đồng số 15 ghi ngày 29/6/2016 với chữ ký của bà Lê Thị Thanh T, hình dấu của Công ty R, chữ viết của Nguyễn Ngọc T16 và Vương Thị Kim N3.

Tại Kết luận giám định số 144/KLĐT ngày 10/7/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ kết luận: chữ ký và hình dấu tại Hợp đồng số 15 ngày 21/9/2016 nêu trên đồng nhất với chữ ký của bà Lê Thị Thanh T và mộc dấu của Công ty R. Chữ viết tay tại Hợp đồng số 15 không đồng nhất với chữ viết của Nguyễn Ngọc T16; còn đối với chữ viết của Vương Thị Kim N3 thì không đủ cơ sở kết luận.

Cơ quan điều tra cũng đã nhiều lần mời ông Trần Văn T8 để làm việc xác định rõ số tiền ông đã đầu tư vào Công ty R nhưng ông Thu không đến. Qua xác minh tại địa phương và làm việc với gia đình ông Thu được biết hiện ông không có mặt tại địa phương.

Quá trình điều tra xác định: sau khi nhà đầu tư đưa tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Công ty R thì Công ty sẽ ký hợp đồng, giao bản gốc cho nhà đầu tư giữ và lưu lại bản pho to. Sau đó Công ty sẽ nhập thông tin cá nhân, số

ID góp vốn, tài khoản ngân hàng để công ty chi trả và địa chỉ email sử dụng kích hoạt ID đầu tư vào phần mềm quản lý chung của Công ty.

Căn cứ vào Danh sách "Tổng ID R1" được trích xuất từ email trinhxuanmanhhcm@gmail.com thể hiện ông Trần Văn T8 đã đầu tư 02 ID như sau:

- Ngày 21/9/2016, sử dụng địa chỉ email Rubythu1983@gmail.com, đầu tư 01 ID.

- Ngày 17/10/2016 sử dụng địa chỉ email R1rubythu@gmail.com, đầu tư 01 ID.

- Tại cơ quan điều tra, Trần Ngọc T9 trình bày do vụ việc xảy ra đã lâu nên không nhớ chính xác ông Thu đầu tư bao nhiêu ID. Tuy nhiên trong danh sách quản lý số ID của Công ty thể hiện số lượng ID của các nhà đầu tư.

- Quá trình điều tra Trịnh Xuân M cũng xác định ông Thu đã đầu tư vào Công ty R 02 ID (01 ID vào ngày 21/9/2016 và 01 ID vào ngày 17/10/2016) với số tiền là 45.000.000 đồng, công ty đã chi trả cho ông Thu 33.419.174 đồng. Như vậy M đã chiếm đoạt của ông Thu số tiền 11.580.826 đồng. Đối với hợp đồng số 15 do ông Thu cung cấp M cho rằng không đúng.

Quá trình điều tra bổ sung có 04 trường hợp tố cáo Trịnh Xuân M là:

1. Ông Lê Quốc T2 tham gia 04 ID vơi số tiền là 90.000.000 đồng, công ty đã chi trả 30.124.671 đồng. Trịnh Xuân M đã chiếm đoạt số tiền 59.875.329 đồng.

2. Bà Trần Cẩm L tham gia 02 ID với số tiền là 45.000.000 đồng, công ty đã chi trả 4.446.030 đồng. Trịnh Xuân M đã chiếm đoạt số tiền 40.553.970 đồng.

Đối với 02 trường hợp còn lại là ông Đào Văn A2 và bà Võ Thị L5, qua làm việc thể hiện ông A2 và bà L5 đầu tư vào Công ty R chi nhánh Miền Trung. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ thông báo, chỉ dẫn cho ông A2 và bà L5 đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Như vậy, tổng số tiền tham gia đầu tư vào Công ty R chi nhánh Miền Tây của 16 người nêu trên là 694.822.250 đồng. M đã chi trả 175.558.267 đồng, chiếm đoạt 519.263.983 đồng.

Quá trình điều tra còn xác định được 11 người khác có tham gia đầu tư với Trịnh Xuân M, tuy nhiên những người này không có yêu cầu giải quyết nên chưa có căn cứ để xem xét trách nhiệm đối với Trịnh Xuân M, cụ thể:

- Ông Huỳnh Kim T10 tham gia 01 ID, với số tiền là 22.500.000 đồng, trong đó khi tham gia hoạt động cùng công ty T2 đã chi tiền mua trang thiết bị cho chi nhánh Miền Tây là 394.322.000 đồng. Sau khi nghie việc, M và T2 đối chiếu công nợ thì M còn nợ lại T2 147.500.000 đồng – phần này thuộc quan hệ dân sự nên không xem xét trong cùng vụ án. Đối với số tiền 01 ID của T2 thực chất là M tặng nên không tính vào số tiền chiếm đoạt.

Đối với 04 trường hợp của:

- Bà Trần Ngọc T9 đầu tư vào công ty 01 ID tương đương số tiền 22.500.000 đồng.
- Bà Nguyễn Ngọc T16 đầu tư vào công ty 01 ID tương đương số tiền 22.500.000 đồng.
- Ông Nguyễn Văn D đầu tư vào công ty 01 ID tương đương số tiền 22.500.000 đồng.
- Ông Nguyễn Văn C đầu tư vào công ty 01 ID tương đương số tiền 22.500.000 đồng.

Qua làm việc với Trần Ngọc T9, Nguyễn Ngọc T16, Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn C là những người có đầu tư mỗi người 01 ID vào Công ty R tương đương 22.500.000 đồng kết quả đây là phần tiền đầu tư của bà Trần Ngọc T9 có nhờ ông D, ông C và bà Nguyễn Ngọc T16 đứng tên dùm, cả ba người đều không có yêu cầu gì đối với M và Trần Ngọc T9 cũng thừa nhận số tiền nhờ đứng tên đầu tư vào công ty là do bà nhận được tiền từ hoa hồng của công ty nên tái đầu tư vào, riêng số tiền bà tự đứng tên đầu tư đã được nhận lại đầy đủ nên không có thiệt hại.

Đối với ông Trần Thanh T17 đã đầu tư 05 ID vào Công ty R với số tiền 112.500.000 đồng nhưng trước đó Trần Ngọc T9 đã đại diện công ty thỏa thuận chi trả cho ông T17 nên ông T17 không yêu cầu giải quyết.

Đối với 03 trường hợp khác: người tham gia đầu tư vào chi nhánh Miền Tây gồm Đ1, Q, L6 – cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ chưa

xác định được nhân thân nên không làm việc được nên sẽ tiếp tục điều tra xử lý sau.

Đối với trường hợp của bà Nguyễn Thị H6 và ông Đoàn Văn L7 đăng ký thường trú tại ấp x xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước qua xác minh tại địa phương thể hiện bà H6 và ông L7 hiện không có mặt ở địa phương nên không tiến hành làm việc được.

Về vai trò của những người trong ban điều hành, nhân viên Công ty R quá trình điều tra xác định được như sau:

Đối với bà Lê Thị Thanh T là vợ của bị cáo: trong quá trình thành lập Công ty R M đã nhờ T đứng tên và giữ chức vụ giám đốc. Tuy nhiên, M không bàn bạc với T về cách thức kinh doanh, kế hoạch phát triển Công ty như thế nào mà chỉ nhờ T đứng tên đại diện về mặt pháp luật thành lập Công ty. Mọi hoạt động điều hành, tuyển dụng nhân sự, tài chính công ty đều do M đảm nhiệm. Bà T có đại diện cho công ty ký kết hợp đồng với các nhà đầu tư R và sử dụng tài khoản cá nhân tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển của T để người đầu tư chuyển tiền vào khi Công ty R chưa được cấp giấy phép kinh doanh. Qua điều tra, chưa đủ căn cứ xác định Lê Thị Thanh T giúp sức để chồng là Trịnh Xuân M chiếm đoạt tiền của người khác.

Đối với ông Thiều Ngọc S là cổ đông của Công ty R nhưng kết quả điều tra thể hiện M chỉ mượn tên ông S để đăng ký kinh doanh, thực tế ông không có tham gia vào hoạt động và không góp vốn vào Công ty R.

Đối với các Giám đốc chi nhánh của Công ty R gồm ông T12, Phan Minh H4, Huỳnh Kim T10, bà Đặng Thị Thu H3, Trần Ngọc T9 đều là những người đã tin tưởng vào lời nói của Trịnh Xuân M và nghĩ rằng Công ty R là công ty của Mỹ, có hợp tác nhiều dự án lớn ở Việt Nam nên đã giới thiệu nhiều người đầu tư vào công ty – trong đó có người thân và bản thân tham gia đầu tư. Quá trình hoạt động do M không nói và họ cũng không biết sự thật là Công ty R chỉ huy động vốn của nhà đầu tư để chiếm đoạt nên không có cơ sở để xử lý hình sự.

Đối với các nhân viên khác của Công ty R thì chỉ là những người được M thuê vào làm cho công ty và theo trách nhiệm được phân công của M, họ không biết M lập công ty để lừa đảo nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

Đối với Nguyễn Hồng M là cố vấn chiến lược cho Công ty R và theo lời trình bày của M thì Minh là người biết rõ Công ty R là do Trịnh Xuân M lập ra, không phải là công ty của Mỹ và công ty cũng không có hợp tác hay đầu tư bất kỳ dự án nào. Minh là người đã bàn bạc, hướng dẫn cho M cách huy động vốn, cách thuyết phục nhà đầu tư góp vốn đồng thời Minh nhận 5% tổng số tiền của các nhà đầu tư nên hành vi của Nguyễn Hồng M có dấu hiệu đồng phạm với Trịnh Xuân M. Hiện tại, Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa xác định được nhân thân, địa chỉ của Minh để tiến hành điều tra làm rõ nên tiếp tục điều tra xử lý sau.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2018/HSST ngày 06/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trịnh Xuân M phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 139, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 584, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử phạt: Trịnh Xuân M 09 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19.4.2017.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại như sau:

1. Nguyễn Văn D 97.762.690 đồng
2. Phạm Văn Lâm 15.845.220 đồng
3. Nguyễn Văn P 16.233.450 đồng
4. Nguyễn Thị L2 19.211.220 đồng.
5. Trần Văn O 19.348.980 đồng
6. Phan Thị N 15.845.220 đồng.
7. Trần Văn T3 15.845.220 đồng
8. Trần Văn T8 11.580.826 đồng.
9. Nguyễn Minh T4 20.038.736 đồng
10. Tô Hoàng O1 17.759.340 đồng
11. Trần Quang K 19.063.064 đồng
12. Tô Thanh T5 72.824.528 đồng
13. Lê Thanh T6 19.051.900 đồng
14. Nguyễn Văn T7 58.424.290 đồng
15. Lê Quốc T2 59.875.329 đồng

16. Trần Cẩm L 40.533.970 đồng.

Tổng cộng là 519.263.983 đồng.

Về tang vật:

- Trả lại cho bị cáo một cuốn sổ màu đỏ, 01 sim số 0961.712.999, 01 giấy phép lái xe hạng B2, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Xuân M .

- Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo đối với các tài sản sau: 01 thẻ ngân hàng BIDV số thẻ 9704180063567655, 01 thẻ ngân hàng Agribank số thẻ 9704050769072419, 01 thẻ ngân hàng Maritimebank số thẻ 5114091589558643 mang tên Trịnh Xuân M; 01 điện thoại di động Iphone 6 số imei: 354445064528473 và 50.000.000 đồng đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ theo Biên lai thu số 000087 ngày 28/2/2018.

- Trả cho Lê Thị Thanh T 01 thẻ ngân hàng BIDV số thẻ 5119570117010107, 01 thẻ ngân hàng Vietcombank số thẻ 4283100005181639, 01 thẻ ngân hàng Sacombank số thẻ 4221510713140468 mang tên Lê Thị Thanh T.

- Trả cho Nguyễn Văn D 01 thẻ nhớ microSD 02 GB.

- Trả cho Huỳnh Kim T10 01 USB màu đỏ 08GB.

Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 24.770.559 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý đối với hành vi của Nguyễn Hồng M. Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/9/2018 bị cáo Trịnh Xuân M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; Ngày 20/9/2018 người bị hại Trần Cẩm L, Lê Quốc T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì đã hoàn trả toàn bộ tiền.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm: Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo đúng tội, nay hai bị hại kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, với lý do đã hoàn trả trên 100 triệu đồng cho hai bị hại, đây là tình tiết mới nhưng cấp sơ thẩm đã áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ và xử bị cáo 9 năm tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và của hai người bị hại, về việc xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T2 nhất quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo 9 năm tù; tuy nhiên, trước khi xét xử phúc thẩm gia đình của bị cáo đã bồi thường cho bị hại Trần Cẩm L, Lê Quốc T2 100.409.000 đồng, được hai bị hại có đơn kháng cáo xin giảm án cho bị cáo, nay gia đình của bị cáo tiếp tục khắc phục bồi thường 1/5 thiệt hại đã gây ra,

nên đây là tình tiết hoàn toàn mới; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo và của người bị hại, giảm nhẹ cho bị cáo một phần mức án. Bị cáo không tranh tụng, chỉ mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Đơn kháng cáo của bị cáo Trịnh Xuân M đúng luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Xét đơn kháng cáo của bị cáo Trịnh Xuân M và bị hại Trần Cẩm L, Lê Quốc T2 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thì thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trịnh Xuân M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đúng như cấp sơ thẩm. Do đó, cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng tội.

[2] Hành vi của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã sử dụng tư cách pháp nhân là Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư bất động sản R do bị cáo tự thành lập để kêu gọi mọi người góp vốn đầu tư hưởng lợi nhuận, lãi suất cao; để tạo niềm tin cho mọi người, bị cáo tổ chức các đợt hội thảo để quảng bá đây là Công ty đa quốc gia, có vốn đầu tư nước ngoài và vốn điều lệ theo chứng nhận đăng ký kinh doanh đến 99.000.000.000 đồng, kinh doanh nhiều lĩnh vực, tham gia nhiều dự án bất động sản lớn của các tập đoàn nổi tiếng trên toàn quốc tại Việt Nam; nhưng thực tế bị cáo không có vốn như đã đăng ký, không hoạt động, bị cáo chỉ lấy từ nguồn vốn của người tham gia để chi trả lợi nhuận, lãi suất cao, nhằm lôi kéo nhiều người tham gia, giao tiền để bị cáo chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của 16 người, chiếm đoạt là 519.263.983 đồng, gây mất an ninh trật tự xã hội, nếu không sớm bị phát hiện ngăn chặn kịp thời bị cáo sẽ gây ra thiệt hại rất lớn cho nhiều người, ở nhiều vùng miền khác nhau trên cả nước; vì vậy, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999. Đồng thời, đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo 9 năm tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ.

[3] Nay tại phiên tòa phúc thẩm bị hại Trần Cẩm L, Lê Quốc T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì sau khi xét xử sơ thẩm gia đình của bị cáo đã hoàn trả cho bị hại 100.409.000 đồng, như vậy bị cáo tiếp tục khắc phục hoàn trả 1/5 thiệt hại cho người bị hại. Đây được xem là căn cứ mới để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, của người bị hại, lời bào chữa của luật sư cho bị cáo, để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Xuân M, của người bị hại bà Trần Cẩm L và ông Lê Quốc T2; sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Xuân M phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Xuân M 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/4/2017.

2. Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trịnh Xuân M không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Ý

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1)
- TAND thành phố Cần Thơ (1);
- VKSND thành phố Cần Thơ (1);
- Cục THADS thành phố Cần Thơ (1);
- CA thành phố Cần Thơ (1);
- Sở tư pháp thành phố Cần Thơ (1);
- Trại tạm giam Công an thành phố Cần Thơ (2) (để tống đạt cho bc 1b)
- Lưu (3) 12b án số 03.